

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2022/DS-PT

Ngày 16/7/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28/6/2022 và ngày 16/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 282/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2021/QĐ-PT ngày 29/12/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 61A/TB-TA ngày 19/01/2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 156/TB-TA ngày 25/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2022/QĐ-PT ngày 18/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2022/QĐ-PT ngày 06/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1974

Địa chỉ: B2.02.07 Chung cư Him Lam Chợ L1, số 491 đường HG, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Luật sư Lê Văn Đ – Văn phòng luật sư Hải Hà và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

1.2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 311, tổ 6, ấp TM, xã TP, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 563, ấp VBA, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Bà Huỳnh Thị Ánh X, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 281, ấp Hưng Thạnh Đ1, xã LHB, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Ông Huỳnh Tấn M1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 739, tổ 6, khóm An H2, phường ABA, thành phố H3, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Ông Huỳnh Tấn T2, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 813, tổ 19, khóm An H2, phường ABA, thành phố H3, tỉnh Đồng Tháp.

1.7. Ông Huỳnh Tấn L3, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 562, ấp VBA, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.8. Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1966

1.9. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1972

1.10. Ông Huỳnh Tấn P1, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số 560, ấp VBA, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà H1, bà X, ông M1, ông T2, ông L3, bà P, bà N, ông P1: Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1974

Địa chỉ: B2.02.07 Chung cư Him Lam Chợ L1, số 491 đường HG, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2016 và ngày 19/01/2016).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1954

Địa chỉ: số 570, ấp VBA, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1956

3.2. Chị Nguyễn Thị Phương T5, sinh năm 1981

3.3. Anh Nguyễn Toàn T5, sinh năm 1982

3.4. Chị Nguyễn Thị Phương A3. sinh năm 1986

Người đại diện theo ủy quyền của T6, T5, Phương A3: Bà Trần Thị S, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: số 570, ấp VBA, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2015, 26/11/2015, 27/11/2015).

3.5. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N1 – Chủ tịch.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Tấn C.

(Ông C, Luật sư Đ, ông T4, bà S có mặt tại phiên tòa; bà N1 có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn C và là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn (bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Anh X, ông Huỳnh Tấn M1, ông Huỳnh Tấn T2, bà Huỳnh Ngọc P, ông Huỳnh Tấn L3, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Tấn P1) trình bày:

Nguồn gốc 32.000 m² đất tại xã VT là của ông bà để lại cho cụ Huỳnh Tấn H2 (là cha của ông C, chết năm 2011). Năm 1979, Ủy ban nhân dân huyện Thanh H4 (nay là huyện L) đã trưng dụng khoảng 1.800 m² đất làm trạm bơm điện xã VT. Năm 1985, Nhà nước tiếp tục trưng dụng thêm một phần đất để xây dựng Bệnh viện huyện Thanh H4, tổng diện tích đất Nhà nước trưng dụng làm trạm bơm và xây dựng Bệnh viện là 22.000 m². Sau khi trạm bơm không hoạt động, ông T4 đã tự chiếm dụng 800m² (phía ngoài hàng rào Bệnh viện). Ông C yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T4 trả lại ông diện tích đất bao chiếm khoảng 800m².

- Bị đơn là ông Nguyễn Xuân T4 trình bày:

Nguồn gốc đất nêu trên trước đây là đất của trạm bơm thủy lợi. Sau khi trạm bơm không còn hoạt động thì Nhà nước quy hoạch xây dựng Bệnh viện. Do ông là bộ đội kháng chiến chống Mỹ về và công tác tại Bệnh viện nên được Nhà nước cấp căn nhà và 880 m² đất của trạm bơm nêu trên. Ngày 02/4/1985, ông T4 được Ủy ban nhân dân huyện Thanh H4 chấp thuận cấp đất và căn nhà trên đất đó cho ông. Trong quá trình sử dụng, ông đã tôn tạo, bồi đắp phần đất và trồng cây trái như hiện nay. Ông C không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S và là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Phương T6, anh Nguyễn Toàn T5, chị Nguyễn Thị Phương A3 trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Xuân T4.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Trong hồ sơ địa chính đang quản lý (Sổ mục kê, Bản đồ 299) thể hiện phần đất đang tranh chấp thuộc thửa số 317, tờ bản đồ số 8a, diện tích 720m², xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; mục đích sử dụng đất thổ, trên sổ mục kê ghi nhận chủ sử dụng đất là “Cơ quan bệnh viện”. Qua thẩm tra, xác minh, ghi nhận vào năm 1983, Nhà nước thu hồi để xây Bệnh viện huyện cũ (nay là Trung Tâm y tế - dân số huyện), thời điểm trưng dụng, Nhà nước không bồi thường về đất, chỉ hỗ trợ về cây trồng trên đất. Trong quá trình xây dựng Bệnh viện thì phần đất đang tranh chấp (thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 8a) nằm ngoài hàng rào Bệnh viện, hiện ông T4 đang quản lý, sử dụng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 19/9/2017, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Tấn C, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Xuân A3, Huỳnh Tấn M1, Huỳnh Tấn T2, Huỳnh Tấn L3, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P1, Huỳnh Thị H, về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân T4 trả lại diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a (sổ mục kê, bản đồ 299 ghi tên cơ quan bệnh viện) đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế do hộ ông Nguyễn Xuân T4 quản lý sử dụng, đất tọa lạc xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Xuân T4. Hộ ông Nguyễn Xuân T4 đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai đứng tên diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 8a đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế do hộ ông Nguyễn Xuân T4 quản lý sử dụng, đất tọa lạc xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phần giáp đất Võ Tường V1 gồm nối dài các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9.

Phần giáp vách tường còn lại của Trung Tâm y tế huyện L gồm các mốc M2, M3, M4.

Phần giáp đất Huỳnh Thanh Đ3 gồm các mốc M1, M15, M13, M11, M9.

Phần giáp kênh Thủy lợi từ mốc M1, M2.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2016 kèm theo.

Trên đất có các cây trồng do hộ ông T4 trồng được thể hiện trong biên bản thẩm định tại cho ngày 06/4/2016 (có biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2016 kèm theo) giao cho hộ ông T4 tiếp tục sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 22/9/2017, ông Huỳnh Tấn C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 354/2018/DS-PT ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Anh X, ông Huỳnh Tấn M1, ông Huỳnh Tấn T2, bà Huỳnh Ngọc P, ông Huỳnh Tấn L3, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P1 về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân T4 trả lại diện tích đất 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ mục kê, bản đồ 299 ghi tên bệnh viện, nay là Trung Tâm y tế huyện L), tọa lạc tại xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc hộ ông Nguyễn Xuân T4 gồm: Ông Nguyễn Xuân T4, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T6, anh Nguyễn Toàn T5, chị Nguyễn Thị Phương

A3 trả lại cho ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Anh X, ông Huỳnh Tấn M1, ông Huỳnh Tấn T2, bà Huỳnh Ngọc P, ông Huỳnh Tấn L3, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Tấn P1 diện tích đất 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có tứ cận như sau:

Phần giáp đất Võ Tường V1 gồm nối dài các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9.

Phần giáp vách tường còn lại của Trung Tâm y tế huyện L gồm các mốc M2, M3, M4.

Phần giáp đất Huỳnh Thanh Đ3 gồm các mốc M1, M15, M13, M11, M9.

Phần giáp kênh Thủy lợi từ mốc M1, M2.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Anh X, ông Huỳnh Tấn M1, ông Huỳnh Tấn T2, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L3, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P1 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất như trên theo quy định pháp luật.

Buộc ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Anh X, ông Huỳnh Tấn M1, ông Huỳnh Tấn T2, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L3, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P1 trả giá trị các loại cây trồng, giá trị còn lại căn nhà và hàng rào cho hộ ông Nguyễn Xuân T4, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T6, anh Nguyễn Toàn T5, chị Nguyễn Thị Phương A3 với số tiền 15.684.500 đồng.

Buộc hộ ông Nguyễn Xuân T4, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T6, anh Nguyễn Toàn T5, chị Nguyễn Thị Phương A3 giao toàn bộ các loại cây trồng, căn nhà và hàng rào cho các nguyên đơn ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Anh X, ông Huỳnh Tấn M1, ông Huỳnh Tấn T2, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L3, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P1 quản lý, sử dụng (kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đất đang tranh chấp ngày 21/3/2018 và Biên bản định giá tài sản ngày 08/10/2018).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Anh X, ông Huỳnh Tấn Minh, ông Huỳnh Tấn T2, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L3, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P1 hỗ trợ tiền công sức cho hộ ông Nguyễn Xuân T4, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T6, anh Nguyễn Toàn T5, chị Nguyễn Thị Phương A3 với số tiền là 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí thẩm định, đo đạc, định giá và án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Xuân T4 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 234/2020/DS-GĐT ngày 03/11/2020 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm huỷ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông C phát biểu: Sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông T4 và bà S phát biểu: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cầu, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư Lê Văn Đ phát biểu, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm với các lý do sau:

+ Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chủ quan, không xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ.

+ Việc giao đất cho ông T4 không đúng. Không có quyết định giao đất cho ông T4.

+ Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập sổ mục kê và sổ địa chính 299. Văn bản của UBND huyện L nói có nhưng trong hồ sơ không thu thập được.

+ Bỏ sót hàng thừa kế của cụ Huỳnh Tấn C1.

+ Ông N2 (con cụ H1, cháu ngoại cụ C1) khiếu nại vì xâm phạm quyền lợi của ông. Có xác nhận của UBND xã VT về quan hệ thừa kế các người con của cụ H2.

+ Ông C cung cấp chứng cứ mới là hợp đồng cho thuê đất nên huỷ án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Cầu, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án là không công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện UBND huyện L có down xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét đơn kháng cáo ngày 22/9/2017 của ông C yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc hộ ông T4 trả lại đất do hộ ông T4 bao chiếm 772,5m². Đến ngày 05/01/2022 ông C có đơn xin sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo với nội dung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do đánh giá chứng cứ không toàn diện và vi phạm tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với việc ông C sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo là quyền của đương sự và nhằm để xem xét toàn diện bản án sơ thẩm nên chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cả yêu cầu kháng cáo ban đầu và yêu cầu kháng cáo sửa đổi, bổ sung của ông C.

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Ông C cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà của ông C để lại cho cụ Huỳnh Tấn H2 (cha của ông C và các nguyên đơn, cụ H2 chết năm 2011). Ông C và các nguyên đơn là con của cụ H2 khởi kiện yêu cầu hộ ông T4 trả lại đất diện tích thực đo 772,5m².

Ông T4, bà S cho rằng: Chỉ biết đất là của Trạm bơm Thủy lợi xã VT và Nhà nước cấp cho gia đình ông T4.

Qua xem xét các chứng cứ, xác định nguồn gốc đất là của ông bà của ông C để lại cho cụ H2.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất và giao đất:

Nguyên đơn cho rằng: Năm 1979, Ủy ban nhân dân huyện Thanh H4 (nay là huyện L) đã trưng dụng khoảng 1.800 m² đất làm trạm bơm điện xã VT. Năm 1985, Nhà nước tiếp tục trưng dụng thêm một phần đất để xây dựng Bệnh viện, tổng diện tích đất Nhà nước trưng dụng làm trạm bơm và xây dựng Bệnh viện là 22.000 m². Sau khi trạm bơm không hoạt động, ông T4 đã tự bao chiếm 772,5m² (phía ngoài hàng rào Bệnh viện), nên ông C yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T4 trả lại ông diện tích bao chiếm 772,5m².

Bên ông T4 cho rằng: Sau khi trạm bơm T4 lợi xã VT không còn hoạt động thì Nhà nước quy hoạch xây dựng Bệnh viện. Do ông T4 là bộ đội kháng chiến chống Mỹ về và công tác tại Bệnh viện nên được Nhà nước cấp căn nhà và 772,5m² đất của trạm bơm. Ngày 02/4/1985, ông T4 được Ủy ban nhân dân huyện Thanh H4 chấp thuận cấp đất và căn nhà trên đất đó cho ông T4. Trong quá trình sử dụng, ông T4 đã tôn tạo, bồi đắp phần đất và trồng cây trái như hiện nay, nên ông T4 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, phần đất tranh chấp diện tích 772,5m² thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a ông T4 đã kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2002, nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 126/UBND-NC ngày 20/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L thể hiện: “*Theo sổ mục kê, Bản đồ 299 thì chủ sử dụng thửa đất trên là “Cơ quan bệnh viện” (nay là Trung T2 y tế - dân số huyện)*”. Tại Biên bản đền bù ngày 05/3/1979 thể hiện: “*Cụ Huỳnh Tấn H2 (cha ông Cầu) được nhận tiền đền bù hoa màu khi đất bị thu hồi làm trạm bơm (số tiền 257 đồng)*”.

Tại Quyết định số 329/QĐ-UBND-NĐ ngày 26/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thể hiện: “*Nguồn gốc đất do cụ H2 thừa hưởng của cha*

mẹ. Năm 1973, chính quyền Sài Gòn trưng dụng một phần diện tích để thi công tuyến lộ 80. Năm 1983, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (nay là huyện L) tiếp tục trưng dụng toàn bộ diện tích còn lại để xây dựng Trung tâm Y tế huyện L (22.000m²)”.

Tại Công văn số 746/VPUBND-TCD ngày 26/10/2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp gửi Ủy ban nhân dân huyện L thể hiện: “Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất và giao Ủy ban nhân dân huyện L xem xét hỗ trợ cho gia đình cụ H2 03 nền đất ở không thu tiền sử dụng đất, xem xét bố trí cho hai người con của cụ H2 là hộ ông Huỳnh Tấn L3 và hộ bà Huỳnh Thị Chi mỗi hộ một nền đất vượt lũ do là đối tượng hộ nghèo, không có đất ở; đồng thời, xem xét hỗ trợ chi phí di dời mồ mả của gia đình ông Cầu”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C xác nhận gia đình ông C đã được nhận 05 nền nhà tái định cư.

Ngày 20/3/1985, ông T4 có đơn xin sử dụng căn nhà và đất của Ban T4 lợi trước đây, nay thuộc công trình Bệnh viện huyện Thanh H4 (nằm ngoài hàng rào Bệnh viện), Ủy ban nhân dân xã VT và Ủy ban nhân dân huyện Thanh H4 đã đồng ý phê duyệt giao nhà đất trên cho ông T4 sử dụng (ngày 02/4/1985).

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Thanh H4 đã trưng dụng hết đất của cụ H2 để làm Bệnh viện, đã bồi thường H1 màu, đã hỗ trợ 05 nền nhà tái định cư và chi phí di dời mồ mả; như vậy xác định rằng phần đất tranh chấp thuộc đất của Bệnh viện huyện, Ủy ban nhân dân huyện Thanh H4 đã giao cho ông T4 quản lý, sử dụng từ năm 1985.

Theo khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định:

“5. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của nguyên đơn là phù hợp. Ông C không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào mới nên yêu cầu kháng cáo của ông C về việc yêu cầu hộ ông T4 trả đất là không có cơ sở. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C về phần này.

Đối với lời trình bày của ông C tại phiên tòa ngày 28/6/2022 là có cho ông S thuê đất. Tòa án đã có giấy mời ông S đến làm việc và mời tham gia phiên tòa nhưng ông S không hợp tác, không có mặt. Đồng thời hợp đồng thuê quyền sử dụng đất không có công chứng, chứng thực là không tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Cho nên tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác nếu có phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa ông C trình bày có thay 01 đoạn dây kẽm gai hàng rào trị giá 15.000.000đ. Ông T4 và bà S trình bày nếu được giao nhà, đất thì ông T4, bà S tự nguyện trả cho ông C số tiền thay dây kẽm hàng rào 15.000.000đ.

Đối với đơn khiếu nại ngày 01/7/2022 của ông Hồ Bá N2 cho rằng không đưa ông vào tham gia tố tụng là xâm phạm quyền lợi của ông. Nhưng xét thấy đơn của ông N2 có sau khi xét xử sơ thẩm nên tách ra giải quyết bằng

vụ kiện khác nếu có phát sinh tranh chấp.

Đối với việc ông T4 không có yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T4 là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy vấn đề này không làm thay đổi nội dung vụ án. Cho nên chỉ cần nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong xét xử là đủ. Do đó sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cầu về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nội dung. Sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nội dung. Sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Áp dụng Điều 247 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Ánh X, ông Huỳnh Tấn M1, ông Huỳnh Tấn T2, ông Huỳnh Tấn L3, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Ngọc P, ông Huỳnh Tấn P1, bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân T4 trả lại diện tích đất 772,5m² thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a (sổ mục kê, bản đồ 299 ghi tên cơ quan bệnh viện) đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế do hộ ông Nguyễn Xuân T4 quản lý sử dụng, đất tọa lạc xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Giao cho hộ ông Nguyễn Xuân T4 (các thành viên trong hộ gồm: Ông Nguyễn Xuân T4, bà Trần Thị S, Nguyễn Thị Phương T6, Nguyễn Toàn T5, Nguyễn Thị Phương A3) tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 8a, đất tọa lạc xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ ông Nguyễn Xuân T4 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai, xin cấp quyền sử dụng đất diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 8a, tọa lạc xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phần giáp đất Võ Tường V1 gồm nối dài các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9.

Phần giáp vách tường còn lại của Trung Tâm y tế huyện L gồm các mốc M2, M3, M4.

Phần giáp đất Huỳnh Thanh Đ3 gồm các mốc M1, M15, M13, M11, M9.

Phần giáp kênh Thủy lợi từ mốc M1, M2.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2016).

Trên đất có các cây trồng do hộ ông Nguyễn Xuân T4 trồng được thể hiện trong Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2016 (có biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2016 kèm theo) giao cho hộ ông Nguyễn Xuân T4 tiếp tục sử dụng.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Xuân T4 và bà Trần Thị S về việc trả cho ông Huỳnh Tấn C số tiền thay đây kèm hàng rào 15.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Các nguyên đơn ông Huỳnh Tấn C, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M1, Huỳnh Tấn T2, Huỳnh Tấn L3, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P1, Huỳnh Thị H và những người nào có tài sản trên đất có nghĩa vụ di dời tài sản, vật kiến trúc để giao trả cho hộ ông Nguyễn Xuân T4 (các thành viên trong hộ gồm: Ông Nguyễn Xuân T4, bà Trần Thị S, Nguyễn Thị Phương T6, Nguyễn Toàn T5, Nguyễn Thị Phương A3) phần đất diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 8a, đất tọa lạc xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Chi phí tố tụng: 3.424.000đ ông Huỳnh Tấn C và các nguyên đơn phải chịu (các nguyên đơn đã nộp và chi xong).

6. Về án phí:

Các nguyên đơn ông Huỳnh Tấn C, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M1, Huỳnh Tấn T2, Huỳnh Tấn L3, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P1, Huỳnh Thị H liên đới nộp 13.518.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 1.800.000đ theo Biên lai thu số 037082 ngày 28/10/2015, còn phải nộp tiếp 11.718.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Tấn C nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo Biên lai thu số 16699 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông